

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-ST.
Ngày: 26-6-2020
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông H Bửu Khánh

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tòa NH Capital Tower số 109, đường T, phường C, quận H, thành phố H Nội.

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S – Chức vụ : Tổng giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T - Chức vụ Tổ trưởng phụ trách khách hàng trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh H (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thanh H - Sinh năm: 1974 và bà Phạm Thị H, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quốc T trình bày: Vào ngày 19/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP B và ông Trần Thanh H, bà Phạm Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD800201806162, ngân hàng đã giải ngân cho ông H- bà H vay số nợ gốc là 275.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất thỏa thuận là

10,6% / năm nhưng có điều chỉnh tại thời điểm giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ gốc và lãi thực hiện theo định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, khoản nợ gốc được chia làm 60 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả số tiền là 4.583.000 đồng. Nợ lãi được tính trên số dư nợ gốc thực tế và phân ra làm 60 kỳ trả. Ông H- bà H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền gốc là 98.660.000 đồng, còn nợ lại số nợ gốc là 176.340.000 đồng. Đến ngày 25/11/2019, ông H – bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cụ thể trả tiền không đúng hạn và đúng số tiền gốc thỏa thuận phải trả hàng tháng nên Ngân hàng có gọi điện nhắc nhở để ông H - bà H có biện pháp trả nợ, nhưng ông H – bà H tiếp tục vi phạm không thực hiện đúng thỏa thuận. Ngày 29/5/2020, ông H – bà H có thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 7.000.000 đồng. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H- bà H cùng liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc còn nợ là 176.340.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 26/11/2019 đến ngày 26/6/2020 là 19.924.926 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 17.497.722 đồng, tiền lãi quá hạn và lãi phạt là 2.427.204 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP B còn yêu cầu ông H – bà H trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD 800201806162.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2020, bị đơn ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị H trình bày: Ông bà thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD 800201806162 ngày 19/3/2018 với Ngân hàng TMCP B để vay số tiền gốc là 275.000.000 đồng. Ông bà thống nhất về lãi suất thỏa thuận, thời hạn và phương thức trả nợ vay, các khoản nợ gốc và nợ lãi đã trả và phải trả. Ông bà cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, phải thanh toán nhiều khoản vay nên không trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn. Ông bà xin Ngân hàng xem xét giãn cách khoản nợ trên để thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị Hương giao trả số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 - Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông H – bà H có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại Khoản 1 - Điều 35; điểm a – Khoản 01 – Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc buộc ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị H giao trả số tiền gốc còn nợ là 176.340.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD 800201806162 tạm tính đến ngày 26/6/2020 là 19.924.926 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 196.264.926 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông H – bà H phải thanh toán khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD800201806162 kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ngân hàng TMCP B đã cung cấp hợp đồng tín dụng số 800201806162 ngày 19/3/2018, bản kê chi tiết các khoản nợ đã trả và khoản nợ phải

trả. Xét thấy hợp đồng tín dụng số HDTD800201806162 ngày 19/3/2018 được ký kết giữa các bên đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc thỏa thuận lãi suất vay phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên hợp đồng tín dụng số HDTD800201806162 ký kết ngày 19/3/2018 được xem là hợp pháp. Quá trình hòa giải cũng như tại phiên Tòa, ông H- bà H cũng đã thừa nhận khoản nợ đã trả và khoản nợ chưa trả cho Ngân hàng với số tiền vay gốc và lãi trên, ông bà đồng ý trả nhưng xin được giãn cách khoản nợ phải trả hàng tháng vì hiện tại gia đình ông bà rất khó khăn, khoản tiền lương không đủ để chi trả cho các khoản vay. Tuy nhiên, cách thức trả nợ trên của ông H –bà H không được phía Ngân hàng đồng ý nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án quyết định khi án có hiệu lực pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị H cùng chịu trách nhiệm liên đới giao trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 176.340.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD800201806162 ngày 19/3/2018, tạm tính từ ngày 26/11/2019 đến ngày 26/6/2020 là 19.924.926 đồng là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, ông H- bà H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HDTD800201806162 ngày 19/3/2018 đã được các bên ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng Khoản 1 - Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 196.264.926 đồng x 5% = 9.813.246 đồng (Làm tròn là 9.813.000 đồng)

Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B được chấp nhận nên ông H – bà H cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.813.000 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.590.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3290 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Buộc ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị H cùng liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc là 176.340.000 đồng (Một trăm bảy mươi

sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 26/6/2020 là 19.924.926 đồng. (Mười chín triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD 800201806162 ngày 19/3/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ trên cho Ngân Hng.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị H cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 9.813.000 đồng (Chín triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.590.000 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 3290 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/6/2020); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được thông báo bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi Hnh án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương